

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: /2017/HSST
Ngày 15/12/2017*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
VỚI THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thân Hồng Giang

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Thịnh

2. Ông Nguyễn Hải Lý

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Oanh, Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/HSST ngày 09/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2017/QĐXXST-HS ngày 01/12/2017 đối với bị cáo:

Luyện Văn D, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu 6, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Luyện Văn T, sinh năm 1959 và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; chưa có vợ và con;

- Tiền sự: Ngày 19/02/2017, bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”;

- Tiền án: không;

- Nhân thân:

+ Ngày 14/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Y xử 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, D đã chấp hành xong bản án;

+ Ngày 24/12/2013, bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: 1/Anh Phạm Văn T, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

Trú tại: Tiểu khu 6, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2/ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Lương Văn H, sinh năm 1995(xin vắng mặt)

TQ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

2- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984(vắng mặt)

TQ: Tiểu khu 1, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

3- Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1995(vắng mặt)

TQ: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

4- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960 (mẹ đẻ bị cáo) (có mặt)

TQ: Tiểu khu 6, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

5- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Trú tại: Phố T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng: Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1990(vắng mặt)

TQ: Tiểu khu 6, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Luyện Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên trong các ngày 05/7/2017 và 26/9/2017, Luyện Văn D (tên gọi khác T) đã thực hiện hai hành vi chiếm đoạt tài sản đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 20 giờ ngày 05/7/2017, bị cáo Luyện Văn D đến quán Internet của ông Trần Xuân T ở cùng tiểu khu để chơi điện tử. Khi đến quán, D gặp anh Phạm Văn T ở cùng tiểu khu và anh Lương Văn H ở thôn L, xã T, huyện Y là bạn của D cũng đang chơi điện tử ở quán. Biết anh Lương Văn H đi xe mô tô đến, anh T có hỏi mượn xe mô tô của anh Lương Văn H để đi vào nhà anh Nguyễn Văn H ở thôn

T, xã T, huyện Y, đòi nợ và được anh Lương Văn H đồng ý. Khi mượn được xe, anh T có bảo D đi đòi nợ cùng thì D đồng ý. Anh T điều khiển xe chở D đi từ thị trấn N đến nhà anh Nguyễn Văn H. Sau khi đòi được nợ, anh T điều khiển xe chở D quay về quán Internet nhà ông T để trả xe cho anh Lương Văn H. Khi về đến khu vực cửa quán Internet nhà ông T thì D gặp anh Trần Xuân Đ ở tiểu khu 6, thị trấn N, huyện Y đang ngồi ở đó. Thấy Đ, D có bảo anh T là chở D và Đ đến quán Internet ở thôn M, xã N để chơi điện tử thì anh T đồng ý. Trên đường đi D nảy sinh ý định mượn xe mô tô của anh T đang đi để đem đi cầm cầm lấy tiền nên khi đi đến cửa quán Internet của anh Nguyễn Trung K ở thôn M, xã N, huyện Y thì D nói dối anh T cho D mượn xe mô tô để đi giải quyết việc cá nhân. Anh T đồng ý giao xe mô tô cho D. Lấy được xe, D đã không đi giải quyết công việc như đã nói mà đi tìm chỗ cầm xe. Trên đường đi, D mở cốp xe thì phát hiện thấy bên trong có giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Lương Văn H nên D đi thẳng đến quán Karaoke Việt Anh ở tiểu khu 1, thị trấn N, huyện Y gặp chị Nguyễn Thị T là chủ quán cầm xe mô tô và đăng ký xe lấy 6.000.000 đồng rồi đi ra ngoài một đoạn thì gặp anh T và anh Đ. D đã nói cho anh T biết chiếc xe mô tô mượn của T, D đã cầm tại nhà chị T và hẹn một vài hôm sẽ chuộc xe trả anh T. Đến khoảng 03 giờ ngày 06/7/2017, do tiêu hết tiền nên D đã quay lại quán nhà chị T để lại chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của anh Lương Văn H lấy thêm 2.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được, D dùng trả nợ 1.500.000đ còn lại chi tiêu cá nhân hết.

Anh Lương Văn H, sau khi cho anh T mượn xe không thấy đem trả đã đi tìm thì phát hiện chiếc xe đã bị đem cầm, sau nhiều lần đòi nhưng không thấy anh T trả, anh Lương Văn H đã làm đơn trình báo.

Ngày 02/8/2017, cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà chị Nguyễn Thị T chiếc xe mô tô do D cầm cầm; 01 đăng ký xe; 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lương Văn H.

Ngày 07/8/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y định giá chiếc xe mô tô của anh Lương Văn H tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 15.054.000 đồng;

Vụ thứ hai:

Khoảng 20 giờ ngày 26/9/2017, khi Luyện Văn D đang chơi điện tử tại quán Internet Hải Yến thuộc thôn M, xã N, huyện Y thì gặp anh Nguyễn Văn Q ở thôn B, xã Y, huyện Y là bạn của D đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 98B2-766.43 đến quán để chơi điện tử. Do không có tiền tiêu sài nên D nảy sinh ý định mượn xe của anh Q mang cầm cầm. D nói dối anh Q cho mượn xe để đi giải quyết việc riêng và được anh Q đồng ý. Sau khi mượn được xe của anh Q, D đã đi đến nhà nghỉ 559 ở phố T, huyện L và đặt vấn đề bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn Đ là chủ nhà nghỉ với giá 22.000.000 đồng, nhưng do chưa có giấy

đăng ký xe nên anh Đ mới trả Đ 10.000.000 đồng và hẹn Đ ngày 01/10/2017 mang giấy tờ xe đến thì anh Đ sẽ trả hết. Toàn bộ số tiền có được từ việc bán xe Đ đã tiêu sài cá nhân hết.

Đối với anh Nguyễn Văn Q, sau khi cho Đ mượn xe không thấy Đ đem trả, do đòi nhiều lần nhưng không được nên anh đã làm đơn trình báo. Đến ngày 04/10/2017, Đ bị bắt tạm giam.

Ngày 06/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y định giá chiếc xe mô tô Đ chiếm đoạt của anh Q trị giá là 36.300.000 đồng;

Tại cơ quan điều tra, Luyến Văn D thành khẩn đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 86/KSDT ngày 06/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Luyến Văn D về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và thừa nhận hành vi chiếm đoạt xe của anh T như cáo trạng đã nêu. Khi gặp lại T sau khi bị cáo đã cầm cầm xe thì T có vay của bị cáo 500.000 đồng để chi tiêu. Đối với việc mượn xe của anh Q thì bị cáo không có ý định chiếm đoạt từ trước mà sau khi mượn được xe, do tức anh Q nên bị cáo đã đem xe của anh Q đi cầm cầm được 10 triệu đồng cho anh Đ và anh Đ có cắt lãi mất 01 triệu còn đưa cho bị cáo 09 triệu chứ bị cáo không bán xe như anh Đ khai, Bị cáo thừa nhận có ký giấy bán xe cho anh Đ vì lúc đó bị cáo cần tiền nên cứ ký thôi chứ thực tế bị cáo không bán. Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố là đúng. Nay bị cáo thấy được hành vi phạm tội của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật. Bị cáo đề nghị xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại trong vụ án là Anh Phạm Văn T và anh Nguyễn Văn Q xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo các tài liệu có trong hồ sơ đã trình bày về việc bị bị cáo chiếm đoạt tài sản như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi vụ án được điều tra làm rõ, tài sản đã được thu hồi và đã trả lại cho các anh đầy đủ nên các anh đều không có yêu cầu gì về phần bồi thường, các anh đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ bị cáo tại phiên tòa trình bày rõ những liên quan như việc trả lại tiền chuộc xe cho T 08 triệu đồng và việc bà trả lại cho anh Đ 10 triệu đồng để lấy lại xe nộp cho cơ quan điều tra. Tổng cộng bà đã phải bỏ ra số

tiền 18 triệu đồng. Tuy nhiên, do D là con nên bà không yêu cầu D phải hoàn trả bà số tiền trên.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra đã khai rõ những liên quan như việc anh H, chị H đã nhận lại xe, chị T, anh T và anh Đ đã nhận được tiền bồi hoàn, nay không ai có yêu cầu gì về việc bồi thường, bồi hoàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 04/10/2017. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và về vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa lời khai của bị cáo khi chiếm đoạt xe mô tô của anh T là phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Còn lời khai của bị cáo đối với hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Q là chưa thành khẩn. Tuy nhiên, căn cứ vào bản tự khai, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở các bút lục số 133, 148, 149, 194, các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong hai ngày 05/7/2017 và ngày 26/9/2017, tại thôn M, xã N, huyện Y, Luyện Văn D đã có hành vi gian dối để thực hiện 02 vụ chiếm đoạt 02 chiếc xe mô tô của hai người bị hại đem cầm, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân trong đó: Chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98G1-035.07 của anh Phạm Văn T trị giá 15.054.000 đồng và chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-766.43 trị giá 36.300.000 đồng của anh Nguyễn Văn Q (xe đứng tên vợ là chị Vũ Thị Thu

H). Tổng giá trị tài sản mà D chiếm đoạt của anh T và anh Q là 51.354.000 đồng. Vụ án được làm rõ, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu hồi 02 xe mô tô trả lại 02 người bị hại.

Theo thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001, giữa TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV “ Các tội xâm phạm sở hữu” của BLHS năm 1999 thì Hành vi chiếm đoạt tài sản trên của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo D là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét tính chất của vụ án thấy: Vụ án này có 01 bị cáo có đầy đủ năng lực chịu TNHS thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Đáng lưu ý thấy: Bị cáo có nhân thân xấu: - Ngày 19/02/2017, bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”;

- Ngày 14/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Y xử 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. D đã chấp hành xong bản án;

- Ngày 24/12/2013, bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”;

Vì vậy, HĐXX cần xử phạt nghiêm minh và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng TNHS thấy: Bị cáo không có.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ TNHS thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu; trước cũng như tại phiên tòa bị cáo cơ bản đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. đã tác động gia đình đi chuộc xe để trả lại cho người bị hại và hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; những người bị hại đã nhận đầy đủ tài sản tài sản và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 - Bộ luật hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Đối với tội phạm do bị cáo thực hiện, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án là phù hợp với Điều 228- BLTTHS.

[7] Trong vụ án này, anh Trần Xuân Đ không biết việc D thực hiện hành vi phạm tội, ngoài lời khai không có chứng cứ khác nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với chị Nguyễn Thị T là người nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 98G1-035.07 và anh Nguyễn Văn Đ là người mua xe mô tô biển kiểm soát 98B2-766.43 của D. Tuy nhiên, chị T và anh Đ không biết đó là tài sản do D phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] - Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 19/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại anh Lương Văn H chiếc xe mô tô và các giấy tờ; Anh T đã trả chị T 8.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ D đã trả cho anh T 8.000.000 đồng. Anh T không có yêu cầu gì khác.

Ngày 05/10/2017, bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của Luyện Văn D đã đến gặp anh Nguyễn Văn Đ để chuộc lại xe mô tô biển kiểm soát 98B2-766.43 hết 10.000.000đ và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 12/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Q do chị Vũ Thị Thu H, là vợ anh Q đã nhận không yêu cầu bồi thường gì khác.

Xét thấy: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản đầy đủ, không ai có yêu cầu gì về trách nhiệm bồi thường, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9]- Về vật chứng vụ án: Các xe mô tô do bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho những người bị hại đầy đủ đúng pháp luật nên không đặt ra giải quyết.

[10] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Luyện Văn D** phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 - Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Luyện Văn D 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 04/10/2017.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- **Án phí :** Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Luyện Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 231, 233, 234- BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm, báo bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Y
- THADS huyện Y
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu; hồ sơ, vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thân Hồng Giang